

BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ, THẺ TRẢ TRƯỚC NAM A BANK

Đơn vị tính: VND, Biểu phí đã bao gồm VAT

(Hiệu lực từ 04/09/2025)

A. BIỂU PHÍ SẢN PHẨM THẺ

I. THẺ GHI NỢ NAM A BANK (ÁP DỤNG CHO KH CÁ NHÂN)

Stt	Tên phí	Thẻ Napas	Thẻ Mastercard
1	Phí phát hành		
1.1	Phí phát hành thẻ	Miễn phí	
1.2	Phí gia hạn thẻ	Miễn phí	
1.3	Phí cấp lại thẻ		
a	Tại Quầy giao dịch Nam A Bank	110.000	
b	Qua Open Banking	55.000	
2	Phí thường niên	Miễn phí	
3	Phí cấp lại ePIN		
3.1	Tại Quầy giao dịch Nam A Bank	66.000	
3.2	Qua Open Banking	33.000	
4	Phí truy vấn số dư/in sao kê rút gọn tại máy giao dịch tự động		
4.1	Thuộc Nam A Bank	Miễn phí	
4.2	Thuộc liên minh Napas	1.100	Không áp dụng

Stt	Tên phí	Thẻ Napas	Thẻ Mastercard
4.3	Thuộc liên minh Mastercard	Không áp dụng	7.700
5	Phí rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động		
5.1	Thuộc Nam A Bank	Miễn phí	
5.2	Thuộc liên minh Napas		
a	Đối với thẻ không phát hành theo Gói ưu đãi	3.300	Không áp dụng
b	Đối với thẻ phát hành theo Gói ưu đãi	Miễn phí	Không áp dụng
5.3	Thuộc liên minh Mastercard nước ngoài	Không áp dụng	4%/số tiền giao dịch, TT: 110.000 VND
5.4	Thuộc liên minh Mastercard trong nước	Không áp dụng	2.200
6	Phí cấp lại bản sao Hóa đơn giao dịch	88.000	
7	Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ thẻ	110.000	
8	Phí giao dịch ngoại tệ	Không áp dụng	3%/số tiền giao dịch
9	Phí giao dịch nội tệ ở nước ngoài	1,8%/số tiền giao dịch	
10	Phí dịch vụ nhận tiền qua thẻ quốc tế Mastercard (MoneySend)	Không áp dụng	3%/số tiền giao dịch
11	Phí gửi thẻ qua bưu điện về địa chỉ KH yêu cầu		
11.1	Lần đầu tiên	Miễn phí	
11.2	Lần thứ 2 trở đi	110.000	
12	Phí khiếu nại sai	110.000	

Ghi chú: Đối với phí rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động:

- Thẻ phát hành theo Gói ưu đãi: tài khoản nhận lương tại Nam A Bank và theo các chương trình kinh doanh trong từng thời kỳ.
- Các thẻ phát hành trước ngày 03/01/2023 vẫn áp dụng Miễn phí rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động cho đến hết thời hạn thẻ.

II. THẺ TRẢ TRƯỚC NAM A BANK (ÁP DỤNG CHO KH CÁ NHÂN)

Stt	Tên phí	Thẻ định danh		Thẻ vô danh (Gift Card)	
		Thẻ Napas	Thẻ Mastercard	Thẻ Napas	Thẻ Mastercard
1	Phí phát hành			Không áp dụng	
1.1	Phí phát hành thẻ	Miễn phí	22.000		
1.2	Phí gia hạn thẻ	Miễn phí			
1.3	Phí cấp lại thẻ			Không áp dụng	
a	Tại Quầy giao dịch Nam A Bank	110.000			
b	Qua Open Banking	55.000			
2	Phí thường niên	Miễn phí		Không áp dụng	
3	Phí cấp lại ePIN			Không áp dụng	
3.1	Tại Quầy giao dịch Nam A Bank	66.000			
3.2	Qua Open Banking	33.000			
4	Phí truy vấn số dư/in sao kê rút gọn tại máy giao dịch tự động				
4.1	Thuộc Nam A Bank	Miễn phí		Miễn phí	
4.2	Thuộc liên minh Napas	1.100	Không áp dụng	1.100	Không áp dụng
4.3	Thuộc liên minh Mastercard	Không áp dụng	7.700	Không áp dụng	7.700
5	Phí rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động			Không áp dụng	
5.1	Thuộc Nam A Bank	Miễn phí			
5.2	Thuộc liên minh Napas	3.300	Không áp dụng		
5.3	Thuộc liên minh Mastercard	Không áp dụng	4%/số tiền giao dịch, TT: 110.000 VND		

Stt	Tên phí	Thẻ định danh		Thẻ vô danh (Gift Card)	
		Thẻ Napas	Thẻ Mastercard	Thẻ Napas	Thẻ Mastercard
6	Phí rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank	0,1%/số tiền giao dịch, TT: 11.000 VND	5%/số tiền giao dịch, TT: 110.000 VND	Không áp dụng	
7	Phí cấp lại bản sao Hóa đơn giao dịch	88.000		88.000	
8	Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ thẻ	110.000		110.000	
9	Phí giao dịch ngoại tệ	Không áp dụng	3%/số tiền giao dịch	Không áp dụng	
10	Phí giao dịch nội tệ ở nước ngoài	1,8%/số tiền giao dịch		Không áp dụng	
11	Phí dịch vụ nhận tiền qua thẻ quốc tế Mastercard (MoneySend)	Không áp dụng	3%/số tiền giao dịch	Không áp dụng	3%/số tiền giao dịch
12	Phí gửi thẻ qua bưu điện về địa chỉ KH yêu cầu	Miễn phí		Không áp dụng	
12.1	Lần đầu tiên				
12.2	Lần thứ 2 trở đi				
13	Phí khiếu nại sai	110.000		110.000	

III. THẺ NGÂN HÀNG KHÁC GIAO DỊCH TẠI ATM NAM A BANK

THẺ MASTERCARD PHÁT HÀNH NƯỚC NGOÀI

Stt	Tên phí	Số tiền phí
1	Phí truy vấn số dư	7.700
2	Phí rút tiền mặt	30.000

B. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Stt	Từ ngữ		Diễn giải
1	Nam A Bank	:	- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á.
2	KH	:	- Khách hàng.
3	ĐVKD	:	- Đơn vị kinh doanh.
4	TT	:	- Tối thiểu.
5	VND	:	- Đồng Việt Nam.
6	Thẻ đang hoạt động	:	- Là thẻ không do Nam A Bank khóa, tạm ngưng sử dụng vì bất cứ lý do nào.
7	Phí phát hành thẻ	:	- Phí thu khi KH yêu cầu phát hành thẻ.
8	Phí cấp lại thẻ	:	- Phí thu khi KH yêu cầu cấp lại thẻ bị thất lạc/mất cấp/theo yêu cầu của KH.
9	Phí cấp lại ePIN	:	- Phí thu khi KH yêu cầu cấp lại ePIN do quên ePIN.
10	Phí truy vấn số dư tại máy giao dịch tự động	:	- Phí tính trên từng lần giao dịch.
11	Phí in sao kê rút gọn tại máy giao dịch tự động	:	- Phí tính trên từng lần giao dịch.
12	Phí rút tiền mặt tại máy giao dịch tự động.	:	- Phí tính trên số tiền giao dịch đối với thẻ Nam A Bank. - Phí tính trên từng lần giao dịch đối với thẻ ngân hàng khác giao dịch tại giao dịch tự động Nam A Bank.
13	Phí rút tiền mặt tại thiết bị chấp nhận thẻ được lắp đặt tại Chi nhánh, Phòng giao dịch của Nam A Bank.	:	- Phí tính trên số tiền giao dịch.
14	Phí cấp lại bản sao Hóa đơn giao dịch	:	- Phí tính trên từng lần yêu cầu của KH.
15	Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ thẻ	:	- Phí tính trên từng lần yêu cầu của KH.

Stt	Từ ngữ		Diễn giải
16	Phí giao dịch ngoại tệ	:	- Phí này không áp dụng cho giao dịch VND. - Phí tính trên số tiền giao dịch.
17	Phí giao dịch nội tệ ở nước ngoài	:	- Phí thu cho các giao dịch bằng VND được thực hiện tại đơn vị bán hàng có mã nước ngoài khác Việt Nam (căn cứ trên thông tin Ngân hàng thanh toán gửi về cho Nam A Bank). - Phí tính trên số tiền giao dịch.
18	Phí dịch vụ nhận tiền qua thẻ quốc tế Mastercard (MoneySend)	:	- Phí tính trên số tiền giao dịch.
19	Phí gửi thẻ qua bưu điện về địa chỉ KH yêu cầu	:	- Phí thu khi KH yêu cầu nhận thẻ tại địa chỉ của KH (cư trú/cơ quan công tác). - Phí tính trên từng lần gửi thẻ.
20	Phí khiếu nại sai	:	- Phí được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không đúng hay không chính xác giao dịch thẻ (bao gồm giao dịch rút tiền mặt và giao dịch thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ). - Phí thu trên từng giao dịch.